

Số: ~~125~~ /TB-TrMNYL

Yên Lộc, ngày 02 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO

“V/v công khai dự toán (tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025)”

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Mầm non Yên Lộc thông báo công khai dự toán (tình hình thực hiện dự toán Ngân sách Quý I năm 2025) như sau:

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở trường Mầm non Yên Lộc; đăng tải trên trang web của trường Mầm non Yên Lộc
- Thời gian công khai: Từ ngày 02/04/2025 đến 03/07/2025

(Có biểu chi tiết và báo cáo thuyết minh kèm theo)

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để báo cáo);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nguyệt

Đơn vị: Trường mầm non Yên Lộc

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Yên Lộc, ngày 02 tháng 04 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.681.666.000	1.833.095.120	23,86	
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.681.666.000	1.833.095.120	23,86	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.681.666.000	1.833.095.120	23,86	

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	071 - Giáo dục mầm non	7.681.666.000	1.833.095.120	23,86	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.246.324.000	1.733.095.120	23,92	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	435.342.000	100.000.000	22,97	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Yên Lộc, ngày 02 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO

Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường Mầm non Yên Lộc báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2025 như sau:

Tổng dự toán kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ 7.246.324.000 đồng, kinh phí thường xuyên không giao tự chủ: 435.342.000 đồng. Dự toán đã thực hiện Quý I năm 2025 là 1.833.095.120 đồng (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm ba mươi ba nghìn không trăm chín mươi năm nghìn một trăm hai mươi đồng), đạt 23,86% dự toán giao

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Quý I năm 2025 của Trường Mầm non Yên Lộc./.

Nơi nhận:

- Công khai
- Phòng GDĐT (để báo cáo)
- Lưu VP.



Nguyễn Thị Nguyệt

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 02 tháng 04 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



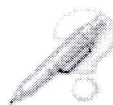
Nguyễn Thị Nguyệt

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Yên Lộc

Mã ĐVQHNS: 1133128

Mã cấp NS: 3



Người ký: Vũ Thị Thúy
Ngày ký: 01/04/2025 15:52:19
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 8 -
Khu vực Nhà nước Khu vực IV
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12	071	6552	00000	0	0	6.360.000	6.360.000	6.360.000	6.360.000
Tài sản và thiết bị chuyên dùng	12	071	6954	00000	0	0	41.000.000	41.000.000	41.000.000	41.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	12	071	6955	00000	0	0	9.790.000	9.790.000	9.790.000	9.790.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	071	7001	00000	0	0	42.850.000	42.850.000	42.850.000	42.850.000
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	895.085.103	895.085.103	895.085.103	895.085.103
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	12.390.000	12.390.000	12.390.000	12.390.000
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	10.881.000	10.881.000	10.881.000	10.881.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	311.166.765	311.166.765	311.166.765	311.166.765
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	702.000	702.000	702.000	702.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	071	6115	00000	0	0	167.938.758	167.938.758	167.938.758	167.938.758
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	190.101.600	190.101.600	190.101.600	190.101.600
Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	32.588.847	32.588.847	32.588.847	32.588.847
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	21.478.098	21.478.098	21.478.098	21.478.098
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	10.862.949	10.862.949	10.862.949	10.862.949
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	6.650.000	6.650.000	6.650.000	6.650.000
Vật tư văn phòng khác	13	071	6599	00000	0	0	15.660.000	15.660.000	15.660.000	15.660.000

Tuyên truyền, quảng cáo	13	071	6606	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
Chi các khoản khác	13	071	7799	00000	0	0	31.590.000	31.590.000	31.590.000	31.590.000
Cộng:					0	0	1.833.095.120	1.833.095.120	1.833.095.120	1.833.095.120
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hien04 Dang Thi Thu

Người ký: Thuy54 Vu Thi
Ngày ký: 01/04/2025 15:52:19
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 8 - Kho bạc Nhà nước Khu vực IV

Thuy54 Vu Thi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: TRINH THI HONG PHUONG
Ngày ký: 01/04/2025 10:04:30
Đơn vị: Trường Mầm non Yên Lặc

Người ký: NGUYEN THI NGUYET
Ngày ký: 01/04/2025 10:04:54
Đơn vị: Trường Mầm non Yên Lặc

TRINH THI HONG PHUONG NGUYEN THI NGUYET